

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất
năm 2023 huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội khóa 15 về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện, chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 11/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường kiểm tra, thanh tra để xử lý các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai; Kết luận số 120-KL/TU ngày 08/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tập trung đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Bắc Giang: số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022, số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023, số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023, số 57/NQ-HĐND ngày 19/10/2023;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang: số 378/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Nam; số 256/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Lục Nam;

Theo đề nghị của: UBND huyện Lục Nam tại Tờ trình số 259/TTr-UBND ngày 05/12/2023 và hồ sơ kèm theo; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 822/TTr-STNMT ngày 18/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Nam theo các Phụ lục kèm theo Quyết định này, gồm: Phụ lục 01. Điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất; Phụ lục 02. Điều chỉnh, bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất; Phụ lục 03. Danh mục các công trình, dự án bổ sung, điều chỉnh trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Nam.

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất chuyển mục đích sử dụng đất được xác định theo bản đồ điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Nam, tỷ lệ 1/25.000.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung tại Điều 1 Quyết định này đảm bảo phù hợp quy định pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan;

b) Cập nhật các nội dung điều chỉnh, bổ sung được phê duyệt tại Quyết định này vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Nam đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 12/4/2023; thực hiện đăng tải toàn bộ hồ sơ điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Nam đã được phê duyệt trên Cổng thông tin điện tử của Sở trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định này;

c) Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện Lục Nam đảm bảo nguyên tắc kịp thời, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định pháp luật;

d) Định kỳ hàng năm, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện Lục Nam theo quy định.

2. UBND huyện Lục Nam:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Nam;

b) Cập nhật các nội dung điều chỉnh, bổ sung được phê duyệt tại Quyết định này vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Nam đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 12/4/2023; hoàn thành việc đăng tải toàn bộ hồ sơ điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

huyện Lục Nam đã được phê duyệt trên Cổng thông tin điện tử của huyện trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định này, đồng thời tổ chức công bố, công khai nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Nam theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện quản lý đất, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt;

d) Tổ chức kiểm tra, đôn đốc thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của UBND cấp xã;

e) Định kỳ hàng năm, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Lục Nam; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (lưu hồ sơ);
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Lục Nam;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Trung tâm Thông tin (đăng tải);
- Lưu: VT, TN.Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 03: Danh mục các công trình, dự án bổ sung, điều chỉnh trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Nam
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Công trình, dự án cần thu hồi đất

STT	Hạng mục công trình	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (cấp xã, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ	STT trong Biểu 10-CH ĐCQH 2030	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất								
						LUA	RPH	RĐD						Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+ (5)	(4)	(5)=(6)+... (9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
Tổng cộng (I+II)			137,19	-	137,19	88,04	-	-	49,15					
I	Công trình, dự án bổ sung mới		102,84		102,84	76,39			26,45					
1	Cụm công nghiệp Phương Sơn-Đại Lâm	SKN	43,50		43,50	32,00			11,50	TT Phương Sơn	550	A-IV-1	STT 09, Biểu 01, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
2	Cụm công nghiệp Khám Lạng	SKN	40,00		40,00	35,86			4,14	xã Khám Lạng, Bắc Lũng	797	A-IV-3	STT 12, Biểu 01, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
3	Khu dân cư thôn Xuân Phú	ONT	0,50		0,50	0,50			-	xã Bắc Lũng	962	A-XXV-06	STT 08, Biểu 02, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Bổ sung mới
4	Khu dân cư thôn Đạo Lưới	ONT	1,50		1,50	1,50			-	xã Đông Hưng	370a	A-XXV-61	STT 09, Biểu 02, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Bổ sung mới
5	Kè lát mái, lát vỉa hè, lan can đường đi bộ quanh Hồ Thanh Niên	DGT	0,50		0,50				0,50	TT Đồi Ngô	637	A-IX-08	STT 106, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
6	Bãi đỗ xe Chùa Bát Nhã (tại Thôn Chùa)	DGT	1,00		1,00				1,00	xã Huyền Sơn	902	A-IX-67	STT 12, Biểu 02, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Bổ sung mới
7	Đường vào Chùa Bát Nhã	DGT	10,00		10,00	1,00			9,00	xã Huyền Sơn	899a	A-IX-65; 68	STT 13, Biểu 02, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Bổ sung mới
8	Dự án tách cầu chung Lục Nam (Cầm Lý) Km24+134, tuyến đường sắt Kép - Hạ Long	DGT	4,15		4,15	4,15			-	xã Vũ Xá, xã Bắc Lũng		A-IX-28	STT 21, Biểu 01, Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 19/10/2023	Bổ sung mới
9	Xây dựng và cải tạo lưới điện các xã Bắc Lũng, Trường Sơn, Đông Phú, Bảo Đài, Chu Điện và TT. Đồi Ngô huyện Lục Nam năm 2023	DNL	0,105		0,105	0,09			0,015	xã Bắc Lũng, Trường Sơn, Đông Phú, Bảo Đài, Chu Điện và TT Đồi Ngô		A-XV-04, 08,10,24,35, 55	STT 93, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
10	Xây dựng các xuất tuyến 22kV sau trạm 110kV Bắc Lũng	DNL	0,075		0,075	0,06			0,015	xã Yên Sơn		A-XV-01	STT 94, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
11	Xây dựng và cải tạo các xuất tuyến 35kV sau trạm 110kV Bắc Lũng	DNL	0,11		0,11	0,09			0,02	xã Yên Sơn, Lan Mẫu		A-XV-01	STT 95, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới

STT	Hạng mục công trình	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (cấp xã, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ	STT trong Biểu 10-CH ĐCQH 2030	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất								
						LUA	RPH	RĐD						Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+ (5)	(4)	(5)=(6)+... (9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
12	Cải tạo mạch vòng lộ 472 TBA 110kV Lục Nam (E7.14) - 474 TBA 110kV Lục Nam (E7.14)	DNL	0,02		0,02	0,02			-	xã Chu Điện, Bảo Đài, Thanh Lâm		A-XV-01	STT 15, Biểu 02, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Bổ sung mới
13	Cải tạo mạch vòng lộ 374 TBA 110kV Lạng Giang (E7.13) - 373 TBA 110kV Lục Nam (E7.14) và 377 TBA 110kV Đồi Cốc (E7.1)	DNL	0,034		0,034	0,029			0,005	xã Thanh Lâm, TT Phương Sơn		A-XV-01	STT 16, Biểu 02, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Bổ sung mới
14	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện huyện Lục Nam - Lục Ngạn theo phương án đa chia - đa nối (MDMC)	DNL	0,051		0,051	0,035			0,016	xã Huyền Sơn, Nghĩa Phương, Đông Hưng, Bình Sơn		A-XV-01	STT 17, Biểu 02, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Bổ sung mới
15	Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước hồ Suối Nứa	DTL	0,032		0,032				0,032	xã Đông Hưng, Đông Phú		A-X-47	STT 96, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND tỉnh ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
16	Mở rộng nhà văn hóa, sân bóng thôn Chính Thượng	DTT	0,66		0,66	0,65			0,01	xã Lan Mẫu	764	A-XIV-42	STT 98, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
17	Mở rộng nhà văn hóa thôn Muối	DVH	0,50		0,50	0,40			0,10	xã Lan Mẫu	766	A-XI-57	STT 99, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
18	Nhà văn hóa khu phố Thanh Hưng, thị trấn Đồi Ngô	DVH	0,10		0,10				0,10	TT Đồi Ngô	639	A-XI-98	STT 102, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
19	Mở rộng nghĩa địa thôn Trung An	NTD	0,30		0,30	0,30			-	xã Lan Mẫu	770	A-XX-41	STT 100, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
20	Mở rộng nghĩa địa thôn Chính Thượng	NTD	0,30		0,30	0,15			0,15	xã Lan Mẫu	769	A-XX-42	STT 101, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
II	Công trình, dự án điều chỉnh tên, diện tích, điều chỉnh, bổ sung địa điểm thực hiện dự án		34,35		34,35	11,65			22,70					
21	Chùa Bát Nhã (đợt 1)	TON	22,00		22,00				22,00	xã Huyền Sơn, Nghĩa Phương	CT-922	A-XIX-15	STT 14, Biểu 02, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Điều chỉnh diện tích tăng lên thành 22,0 ha (cụ thể: tăng 16,0 ha đất khác); bổ sung địa điểm xã Nghĩa Phương
22	Xây dựng bãi rác tập trung xã Trường Giang	DRA	0,30		0,30	0,30			-	xã Trường Giang	CT-1307	A-XVIII-20	STT 507, Biểu 02, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022	Điều chỉnh tên dự án (từ Bãi xử lý rác tập trung xã Trường Giang thành Xây dựng bãi rác tập trung xã Trường Giang)

STT	Hạng mục công trình	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (cấp xã, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ	STT trong Biểu 10-CH ĐCQH 2030	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất								
						LUA	RPH	RĐD						Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+ (5)	(4)	(5)=(6)+... (9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
23	Trụ sở làm việc, hạ tầng kỹ thuật và cây xanh khu trụ sở làm việc liên cơ quan mới, huyện Lục Nam.	DTS	9,12		9,12	9,00			0,12	TT Đồi Ngò	634a	A-XVII-1; A-XVIII-1	STT 25, Biểu 03, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Điều chỉnh tên dự án. (tên cũ: Trụ sở làm việc liên cơ quan mới); điều chỉnh diện tích tăng 6,00 ha đất LUC; giảm 0,88 ha đất khác
24	Cải tạo đường dây 110KV Bắc Giang - Lạng Sơn	DNL	0,03		0,03	0,03			-	xã Thanh Lâm		A-XV-64	STT 105, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Điều chỉnh tên dự án (tên cũ: Dự án đường dây điện 110KV khu vực Bắc Giang (huyện Lục Nam)); điều chỉnh diện tích từ 0,25 ha xuống còn 0,03 ha (cụ thể: giảm 0,02 ha LUC; giảm 0,20 ha đất khác)
25	Đường dây và TBA 110KV Bắc Lũng	DNL	1,50		1,50	1,10			0,40	xã Yên Sơn, Chu Điện, Lan Mẫu, TT Phương Sơn	CT-1041	A-XV-63	STT 04, Biểu 03, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Điều chỉnh diện tích từ 1,0 ha lên thành 1,5 ha (cụ thể: tăng 0,23 ha LUC; 0,27 ha đất khác); bổ sung địa điểm xã Lan Mẫu, TT Phương Sơn
26	Xây dựng Tam quan chùa Vĩnh Nghiêm và phân vuốt từ đường tỉnh 293 vào cổng Tam quan	DGT	0,80		0,80	0,77			0,03	xã Lan Mẫu		A-IX-70;71	STT 26, Biểu 03, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Điều chỉnh tên 02 dự án (tên cũ: Mở rộng đường từ ĐT 293 vào Chùa Vĩnh Nghiêm và Xây dựng cổng vào Tam Quan Chùa Vĩnh Nghiêm); điều chỉnh diện tích tăng 0,17 ha LUC; giảm 0,17 ha đất khác

2. Công trình, dự án chuyên mục đích sử dụng đất

Số TT	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (cấp xã, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ	STT trong Biểu 10-CH ĐCQH 2030	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất								
						LUA	RPH	RDD						Đất khác
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+..+(9)	(6)	(7)	(12)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Tổng cộng (I+II)			155,53	-	155,53	89,45	-	-	66,08					
I	Công trình, dự án bổ sung mới		120,87		120,87	77,33			43,54					
1	Cụm công nghiệp Khám Lạng	SKN	40,00		40,00	35,86			4,14	xã Khám Lạng, Bắc Lũng	797	A-IV-3	STT 09, Biểu 01, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
2	Cụm công nghiệp Phương Sơn-Đại Lâm	SKN	43,50		43,50	32,00			11,50	TT Phương Sơn	550	A-IV-1	STT 12, Biểu 01, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
3	Khu dân cư thôn Xuân Phú	ONT	0,50		0,50	0,50			-	xã Bắc Lũng	962	A-XXV-06	STT 08, Biểu 02, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Bổ sung mới
4	Khu dân cư thôn Đạo Lưới	ONT	1,50		1,50	1,50			-	xã Đông Hưng	370a	A-XXV-61	STT 09, Biểu 02, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Bổ sung mới
5	Kè lát mái, lát vỉa hè, lan can đường đi bộ quanh Hồ Thanh Niên	DGT	0,50		0,50				0,50	TT Đồi Ngô	637	A-IX-08	STT 106, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
6	Bãi đỗ xe Chùa Bát Nhã (tại Thôn Chùa)	DGT	1,00		1,00				1,00	xã Huyền Sơn	902	A-IX-67	STT 12, Biểu 02, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Bổ sung mới
7	Đường vào Chùa Bát Nhã	DGT	10,00		10,00	1,00			9,00	xã Huyền Sơn	899a	A-IX-65; 68	STT 13, Biểu 02, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Bổ sung mới
8	Dự án tách cầu chung Lục Nam (Cầm Lý) Km24+134, tuyến đường sắt Kép - Hạ Long	DGT	4,15		4,15	4,15			-	xã Vũ Xá, Bắc Lũng		A-IX-28	STT 21, Biểu 01, Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 19/10/2023	Bổ sung mới
9	Xây dựng và cải tạo lưới điện các xã Bắc Lũng, Trường Sơn, Đông Phú, Bảo Đài, Chu Điện và TT. Đồi Ngô huyện Lục Nam năm 2023	DNL	0,105		0,105	0,09			0,015	xã Bắc Lũng, Trường Sơn, Đông Phú, Bảo Đài, Chu Điện và TT Đồi Ngô		A-XV-04, 08, 10,24,35, 55	STT 93, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
10	Xây dựng các xuất tuyến 22kV sau trạm 110kV Bắc Lũng	DNL	0,075		0,075	0,06			0,015	xã Yên Sơn		A-XV-01	STT 94, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
11	Xây dựng và cải tạo các xuất tuyến 35kV sau trạm 110kV Bắc Lũng	DNL	0,11		0,11	0,09			0,02	xã Yên Sơn, Lan Mẫu		A-XV-01	STT 95, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
12	Cửa hàng xăng dầu và bãi đỗ xe Bắc Lũng	DNL	0,50		0,50	0,50			-	xã Bắc Lũng	959	A-XV-09	STT 11, Biểu 04, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới

Số TT	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (cấp xã, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ	STT trong Biểu 10-CH ĐCQH 2030	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất								
						LUA	RPH	RDD						Đất khác
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+..+(9)	(6)	(7)	(12)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
13	Cải tạo mạch vòng lộ 472 TBA 110kV Lục Nam (E7.14) - 474 TBA 110kV Lục Nam (E7.14)	DNL	0,02		0,02	0,02			-	xã Chu Điện, Bảo Đài, Thanh Lâm		A-XV-01	STT 15, Biểu 02, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Bổ sung mới
14	Cải tạo mạch vòng lộ 374 TBA 110kV Lạng Giang (E7.13) - 373 TBA 110kV Lục Nam (E7.14) và 377 TBA 110kV Đồi Cốc (E7.1)	DNL	0,034		0,034	0,029			0,005	xã Thanh Lâm, TT Phương Sơn		A-XV-01	STT 16, Biểu 02, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Bổ sung mới
15	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện huyện Lục Nam - Lục Ngạn theo phương án đa chia - đa nối (MDMC)	DNL	0,051		0,051	0,035			0,016	xã Huyền Sơn, Nghĩa Phương, Đông Hưng, Bình Sơn		A-XV-01	STT 17, Biểu 02, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Bổ sung mới
16	Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước hồ Suối Nứa	DTL	0,032		0,032				0,032	xã Đông Hưng, Đông Phú		A-X-47	STT 96, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
17	Mở rộng nhà văn hóa, sân bóng thôn Chính Thượng	DTT	0,66		0,66	0,65			0,01	xã Lan Mẫu	764	A-XIV-42	STT 98, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
18	Mở rộng nhà văn hóa thôn Muối	DVH	0,50		0,50	0,40			0,10	xã Lan Mẫu	766	A-XI-57	STT 99, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
19	Nhà văn hóa khu phố Thanh Hưng, thị trấn Đồi Ngô	DVH	0,10		0,10				0,10	TT Đồi Ngô	639	A-XI-98	STT 102, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
20	Mở rộng nghĩa địa thôn Trung An	NTD	0,30		0,30	0,30			-	xã Lan Mẫu	770	A-XX-41	STT 100, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
21	Mở rộng nghĩa địa thôn Chính Thượng	NTD	0,30		0,30	0,15			0,15	xã Lan Mẫu	769	A-XX-42	STT 101, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Bổ sung mới
22	Bổ sung nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân; xử lý các trường hợp theo Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 11/6/2020 năm 2023	ONT	0,35		0,35				0,35	Huyện Lục Nam		A-XXV-01	Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh	Bổ sung mới
23	Xây dựng bãi tập kết, bãi trung chuyển vật liệu xây dựng	TMD	0,08		0,08				0,08	TT Đồi Ngô	680	A-V-01	Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh	Bổ sung mới
24	Nuôi trồng thủy sản	NTS	1,50		1,50				1,50	xã Lục Sơn	1548	B-IV-13	Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh	Bổ sung mới

Số TT	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (cấp xã, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ	STT trong Biểu 10-CH ĐCQH 2030	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất								
						LUA	RPH	RDD						Đất khác
(1)	(2)		(3)=(4)+ (5)	(4)	(5)=(6)+.. +(9)	(6)	(7)	(12)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
25	Đất san lấp mặt bằng, đất sét gạch khu: Đá Ngăn, Hồ Biêu (Thôn Vườn)	SKX	15,00		15,00				15,00	xã Cương Sơn	871	A-VIII-21	Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 15/4/2022; số 863/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của UBND tỉnh	Bổ sung mới
II	Công trình, dự án điều chỉnh tên, diện tích, điều chỉnh, bổ sung địa điểm thực hiện dự án		34,66		34,66	12,12			22,54					
26	Trụ sở làm việc Công an xã Lan Mẫu	CAN	0,09		0,09	0,09			-	xã Lan Mẫu	741	A-II-16	STT 10, Biểu 04, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Điều chỉnh diện tích giảm xuống còn 0,09 ha (cụ thể: giảm 0,01 ha LUC)
27	Xây dựng Tam quan chùa Vĩnh Nghiêm và phân vượt từ đường tỉnh 293 vào cổng Tam Quan	DGT	0,80		0,80	0,77			0,03	xã Lan Mẫu		A-IX-70;71	STT 26, Biểu 03, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Điều chỉnh tên 02 dự án. (tên cũ: Mở rộng đường từ ĐT 293 vào Chùa Vĩnh Nghiêm và Xây dựng công vào Tam Quan Chùa Vĩnh Nghiêm); điều chỉnh diện tích tăng 0,17 ha LUC; giảm 0,17 ha đất khác
28	Cải tạo đường dây 110KV Bắc Giang - Lạng Sơn	DNL	0,03		0,03	0,03			-	xã Thanh Lâm		A-XV-64	STT 105, Biểu 02, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Điều chỉnh tên dự án (tên cũ: Dự án đường dây điện 110KV khu vực Bắc Giang (huyện Lục Nam)); điều chỉnh diện tích từ 0,25 ha xuống còn 0,03 ha (cụ thể: giảm 0,02 ha LUC; giảm 0,20 ha đất khác)
29	Đường dây và TBA 110KV Bắc Lũng	DNL	1,50		1,50	1,10			0,40	xã Yên Sơn, Chu Điện, Lan Mẫu, TT Phương Sơn	CT-1041	A-XV-63	STT 04, Biểu 03, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Điều chỉnh diện tích từ 1,00 ha lên thành 1,50 ha (cụ thể: tăng 0,23 ha LUC, 0,27 ha đất khác); bổ sung địa điểm xã Lan Mẫu, TT Phương Sơn
30	Xây dựng bãi rác tập trung xã Trường Giang	DRA	0,30		0,30	0,30			-	xã Trường Giang	CT-1307	A-XVIII-20	STT 507, Biểu 02, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022	Điều chỉnh tên dự án (từ Bãi xử lý rác tập trung xã Trường Giang thành Xây dựng bãi rác tập trung xã Trường Giang)
31	Trụ sở làm việc, hạ tầng kỹ thuật và cây xanh khu trụ sở làm việc liên cơ quan mới, huyện Lục Nam.	DTS	9,12		9,12	9,00			0,12	TT Đồi Ngô	634a	A-XVII-1; A-XVIII-1	STT 25, Biểu 03, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Điều chỉnh tên dự án (tên cũ: Trụ sở làm việc liên cơ quan mới); điều chỉnh diện tích tăng 6,00 ha đất LUC; giảm 0,88 ha đất khác

Số TT	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (cấp xã, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ	STT trong Biểu 10-CH ĐCQH 2030	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất								
						LUA	RPH	RDD						Đất khác
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+..+(9)	(6)	(7)	(12)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
32	Bãi tập kết vật liệu xây dựng YS	TMD	0,30		0,30	0,30			-	xã Yên Sơn	CT-2017	A-V-69	STT 19, Biểu 05, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023	Điều chỉnh diện tích giảm xuống còn 0,30 ha (cụ thể giảm 0,10 ha đất khác)
33	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp	TMD	0,522		0,522	0,522			-	TT Phương Sơn	CT-554	A-V-15	STT 10, Biểu 03, Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 19/10/2023	Điều chỉnh địa điểm (từ xã Phương Sơn thành TT Phương Sơn) và giảm diện tích 1.580 m ² , tại STT 85, Biểu 04, Nghị quyết 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh
34	Chùa Bát Nhã (đợt 1)	TON	22,00		22,00				22,00	xã Huyền Sơn, Nghĩa Phương	CT-922	A-XIX-15	STT 14, Biểu 02, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Điều chỉnh diện tích tăng lên thành 22,0 ha (cụ thể: tăng 16,0 ha đất khác); bổ sung địa điểm xã Nghĩa Phương